TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155 /2019/HS - PT.
Ngày: 01-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

T ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 01/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 282/2019/TLPT-HS ngày 26/9/2019 đối với bị cáo Nguyễn Đình D, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình D đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình D**, sinh năm 1966; Tên gọi khác: Không có;

Chỗ ở: Phố H, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Chức vụ, đoàn thể: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Phó Bí thư chi bộ phố H- Đảng bộ thị trấn B, huyện Y, tỉnh B; Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn B khóa XXI nhiệm kỳ 2016 – 2021. Ngày 17/4/2019, bị Ủy ban Kiểm tra huyện ủy Y Quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp ủy;

Bố đẻ: Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1937(đã chết);

Mẹ đẻ: Cam Thị H, sinh năm 1941;

Vợ: Phạm Thị H1, sinh năm 1966;

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1993;

Gia đình có 07 anh, chị em ruột, bị cáo là thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo D: Luật sư Nguyễn Phúc Trường - Luật sư Chi nhánh Công ty Luật HTC, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 406, tầng 4 số 83, Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Các bị cáo không kháng cáo:

1. Họ tên: Trần Thị Minh T, sinh năm 1959; Chỗ ở: Phố G, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ tên: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975;

Chỗ ở: Phố G, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ tên: Trần Thị D1, sinh năm 1952;

Chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B(Có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có 9 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 26/10/2018 Trần Thị D1 bắt đầu bán số lô, số đề tại nhà ở của mình cho khách đến mua. Khi bán số lô, số đề D1 ghi vào một tờ giấy nhỏ (cáp đề) rồi đưa cho người mua, sau đó D1 ghi riêng các số lô, số đề vào một quyển sổ khác để theo dõi. Trên mỗi tờ giấy nhỏ (cáp đề) có ghi các số lô, số đề bằng các kí hiệu riêng. Sau đó D1 chuyển một phần số lô, số đề cho Trần Thị Minh T để hưởng tiền hoa hồng, còn một phần số lô, số đề thì D1 giữ lại "ôm" nghĩa là nếu khách mua trúng thì D1 trả thưởng còn không trúng thì D1 được hưởng mỗi điểm lô D1 bán cho khách với giá là 23.000đồng/1 điểm. Trần Thị Minh T nhận các số lô số đề của Trần Thị D1 và trực tiếp bán các số lô, số đề cho khách tại nhà ở của mình. Sau đó, T lại chuyển tiếp cho Nguyễn Thị H2 một số số lô, số đề và giữ lại một phần để "ôm". Nguyễn Thị H2 nhận một số số lô, số đề của Trần Thị Minh T sau đó H2 chuyển một phần cho Nguyễn Đình D số còn lại H2 tự ôm. Căn cứ để xác định những người đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề thắng, thua là dựa vào kết quả mở thưởng Xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày cụ thể: Số đề đặc biệt là trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt và số đề nhất to là trùng với 02 số cuối của giải nhất tỷ lệ thắng thua là 01 ăn 70 lần(mua 1.000 đồng nếu trúng thưởng người mua được 70.000 đồng; số đề 3 càng (trùng với 3 số cuối của giải đặc biệt) là 01 ăn 400 lần (nếu người mua 1.000 đồng nếu trúng thì được 400.000 đồng; số lô xiên 3(trùng với 3 số cuối tất cả các giải) là 01 ăn 40 lần (nếu người mua 1.000 đồng mua 01 số lô xiên 3 nếu trúng thì được số tiền là 40.000 đồng; số lô xiên 2 (trùng với 2 số cuối tất cả các giải) là 01/10 lần (người mua 1.000 đồng nếu trúng thì được 10.000 đồng. Nếu người mua 01 (một) điểm số lô mà trúng thưởng thì phải trả cho người chơi số tiền 80.000 đồng, một số lô trùng nhiều lần trên các giải thì

nhận được tối đa là 3 lần (ba nháy). Một điểm lô tương ứng với số tiền là 23.000 đồng. T sử dụng tiền của T để đánh bạc với những người mua số lô, số đề do T bán và T là người thanh toán tiền thắng, thua bạc với người mua số lô, số đề. Còn các số lô, đề mà D1 chuyển cho T thì T tính tỷ lệ là 72.000 đồng/01 số đề (đặc biệt, nhất to, xiên) với giá tiền là 1000 đồng/01 số đề, còn 01 điểm lô D1 chuyển cho T với giá tiền là 22.000 đồng/01 điểm thì D1 được T trích lại cho 1000 đồng/01 điểm. Còn các số (đặc biệt, nhất to, xiên) mà T chuyển cho H2 thì T tính tỷ lệ là 72.000 đồng trên một số (đặc biệt, nhất to, xiên) với giá tiền là 1000 đồng/01 số đề, còn 01 điểm lô T chuyển cho H2 với giá tiền là 21.800 đồng/01 điểm thì T được hưởng chênh lệch mỗi điểm lô là 200 đồng. H2 thỏa thuận tính tỷ lệ số lô, số đề với Nguyễn Đình D là: Số đề đặc biệt và số đề nhất to là 01 (một) ăn 70 lần, tức là 1.000 đồng tiền đề nếu trúng thưởng được 70.000 đồng; số đề 3 càng là 01 (một) ăn 400 lần, tức là 1.000 đồng mua 01 số đề 3 càng nếu trúng thì được số tiền là 400.000 đồng; số lô xiên 3 là 01 (một) ăn 40 lần, tức là nếu bỏ ra 1.000 đồng mua 01 số lô xiên 3 nếu trúng thì được số tiền là 40.000 đồng; số lô xiên 2 là 01 (một) ăn 10 lần, tức là nếu bỏ ra 1.000 đồng mua 01 số lô xiên 2 nếu trúng thì được số tiền là 10.000 đồng; Còn nếu người mua 01 (một) "điểm" lô với giá tiền là 21.800 đồng mà số lô trúng thưởng thì phải trả cho người mua số tiền 80.000 đồng, một số lô trùng nhiều lần trên các giải thì nhận được tối đa là 3 lần (ba nháy). Việc thanh toán tiền trúng thưởng thường được thanh toán trong ngày sau khi có kết quả mở thưởng hoặc sau đó. D và H2 không thỏa thuận việc trích phần trăm.

Quá trình điều tra xác định Trần Thị D1, Trần Thị Minh T, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Đình D đều không có hợp đồng với bất kỳ Công ty Xổ số nào.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của Trần Thị D1 như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 12/01/2019 khi D1 đang ở nhà thì có Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987 ở thôn Trung, xã Nội Hoàng, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang mua của D1 các số lô, số đề gồm: số lô 45, 69, 96, 84, 83 mỗi số lô là 10 điểm; số lô 54, 79, 48, 14, 11, 85, 18, 81, 05, 50 mỗi số lô là 5 điểm (mỗi điểm lô D1 bán với giá tiền là 23.000 đồng) và các số đề đặc biệt đầu 5 (từ số 50 đến số 59) mỗi số giá tiền là 20.000 đồng. D1 ghi các số lô, số đề trên vào mặt sau tờ lịch (gọi là cáp đề) và đưa cho T2 đồng thời D1 ghi lại các số lô, số đề trên vào một quyển sổ để theo dõi. T2 trả cho D1 số tiền mua số lô, đề là 2.500.000 đồng. Sau khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền bắc đối chiếu thì T2 trúng các số lô 54, 48, 11, tổng 25 điểm = 2.000.000 đồng. Tổng số tiền D1 đánh bạc với Nguyễn Văn T1 là 4.500.000 đồng. Khi D1 đang thanh toán tiền cho T2 thì bị tổ công tác Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang như trên (Bút lục số 49, 50).

Ngày 12/01/2019, Trần Thị D1 khai còn bán số lô, số đề cho một số đối tượng nữa cụ thể: Bán cho một người tên T2 khoảng 20 tuổi D1 không biết địa chỉ các con số đề với số tiền 110.000 đồng; 10 điểm lô (giá 23.000đ/1điểm) với tổng

số tiền 230.000 đồng T2 đã trả cho D1 số tiền là 340.000 đồng; Bán cho một người tên T2 không rõ địa chỉ 25 điểm lô (giá là 23.000 đồng/điểm) với số tiền 575.000 đồng; số đề 35 là 40.000 đồng, T2 trả cho D1 số tiền là 615.000 đồng; Bán cho Dương Văn Thành, sinh năm 1993 ở thôn Đồng Lân, xã Đồng Kỳ, Yên Thế 15 điểm lô (giá là 23.000 đồng/điểm) với số tiền 345.000 đồng; số lô xiên 3 là 35.000 đồng, Thành đã trả cho D1 số tiền là 380.000 đồng; Bán cho một người tên T khoảng 30 tuổi không rõ địa chỉ các số đề với số tiền là 40.000 đồng và 20 điểm(giá là 23.000 đồng/điểm) với số tiền 460.000 đồng, T đã trả cho D1 số tiền là 500.000 đồng; Bán cho một người tên D khoảng 20 tuổi không rõ địa chỉ cụ thể: Số đề cặp 33 (gồm 33, 88, 83, 38); số đề đặc biệt 88; số đề ba càng 388; số đề ba càng 852; số đề đặc biệt 02, 52; số đề đặc biệt 12. D đã trả cho D1 số tiền là 70.000 đồng; Bán cho một người tên Sổ không rõ địa chỉ: Số đề đầu 0; số đề đặc biệt 00, 04, 09, 02. Sổ đã trả cho D1 số tiền là 140.000 đồng; Bán cho một người tên Mộc khoảng 40 tuổi không rõ địa chỉ các số đề: 30, 03, 53, 35, 85, 58. Mộc trả cho D1 số tiền là 26.000 đồng; Bán cho một người tên Sỹ khoảng 20 tuổi không rõ địa chỉ các số đề 66, 67. Tổng số tiền Sỹ trả cho D1 là 20.000 đồng; Bán cho Mai Anh D, sinh năm 1977 ở thôn Trại Chuối, xã Đồng Kỳ, huyện Yên Thế số lô 97, 65, 95 tổng số 20 điểm(giá tiền là 23.000 đồng/điểm). Tổng số tiền D trả D1 là 460.000 đồng. Sau khi đối chiếu kết của xổ số thì không có ai trúng thưởng. Bán cho một người tên Duy khoảng 20 tuổi không rõ địa chỉ: Các số lô xiên 3: 48 - 69 - 37; 73 - 64 - 10; 83 - 33 - 40, số tiền Duy trả cho D1 là 30.000 đồng; Bán cho một người tên Quân không rõ địa chỉ các số lô 66; 90; 54 với tổng số 45 điểm(giá tiền là 23.000 đồng/điểm) với tổng số tiền 1.035.000 đồng; số đề 00, 01, 02, số đề nhất to 01 với tổng số tiền là 100.000 đồng; số lô xiên 3: 54 - 66 - 90 với giá tiền là 50.000 đồng. Quân đã trả cho D1 để mua các số lô, số đề trên là 1.185.000 đồng. Sau khi đối chiếu kết quả xổ số thì Duy trúng thưởng số lô xiên 3: 73 - 64 - 10 được số tiền là 400.000 đồng; Quân trúng thưởng số lô 66 là 15 điểm hai nháy và số lô 54 là 10 điểm một nháy với tổng số tiền trúng thưởng là 3.200.000 đồng. Số tiền D1 đánh bạc với Quân là là 4.385.000đồng, D1 đánh bạc với Duy là 430.000đồng, Tuy nhiên D1 chưa trả thưởng cho Duy và Quân.

- Ngoài ra D1 còn khai đã bán cho một số người khác không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể các số lô, số đề gồm: Số lô xiên 3: 40 - 41 - 43; số lô xiên 2: 69 - 54, 45 - 69, 96 - 54, 96 - 45; số đề đít 6; số đề ba càng 766, 767, 765; các số đề đặc biệt 65, 66, 67, 26, 62, 56, 66, 67, 26, 62, 76, 61, 11, 28, 18, 68, 86, 23; số đề nhất to 65. Tổng số tiền những người lạ mặt trả cho D1 để mua các số lô trên là 130.000 đồng, số đề là 259.000 đồng, tổng số là 389.000 đồng. Sau khi đối chiếu kết quả xổ số không ai trúng thưởng.

Tổng số D1 bán số lô, số đề cho những đối tượng này là 4.155.000 đồng, tiền trúng thưởng là 3.600.000 đồng.

Sau khi bán được các số lô, số đề D1 chuyển một phần các số lô, số đề cho T để hưởng phần trăm hoa hồng bằng cách gọi điện thoại và đọc cho T ghi lại các số lô, số đề mà D1 chuyển cho cụ thể các số lô, số đề gồm: Số lô: 45, 35, 63, 54, 79, 48, 65, 95 mỗi số là 5 điểm; 54, 69, 96, 84, 45, 07, 70, 97 mỗi số là 10 điểm; 66, 81 mỗi số là 15 điểm; 83, 90 mỗi số là 20 điểm; Số lô xiên 3: 54 - 66 - 90 là 40.000 đồng; 44 - 46 - 64 là 25.000 đồng; 40 - 41 - 43 là 20.000 đồng; Số đề: 28, 18, 68, 86, 23, mỗi số là 1.000 đồng; 12 là 2.000 đồng; 52, 02, 85, 58 mỗi số là 3.000 đồng; 56, 30, 03, 53, 35, 65, 66, 67, 26, 62 mỗi số là 5.000 đồng; 11 là 9.000 đồng; 88, 00, 04, 09, 66, 67, 61 mỗi số là 10.000 đồng; 07, 70, 65, 66, 67, 26, 62, 76 mỗi số là 20.000 đồng; 56 là 80.000 đồng. Số đề cặp 33 gồm các số 33, 88, 83, 38 mỗi số là 10.000 đồng; Số đề đầu 0 gồm các số từ 00 đến số 09 mỗi số là 8.000 đồng; Số đề đầu 5 gồm các số từ 50 đến số 59 mỗi số là 20.000 đồng. Số đề đít 6 gồm các số 06, 16, 26, 36, 46, 56, 66, 76, 86, 96 mỗi số là 5.000 đồng; số đề 00 là 20.000 đồng. Số đề ba càng 766, 767, 765 mỗi số là 5.000 đồng; 388 là 9.000 đồng; 852 là 3.000 đồng. Tổng số tiền mà D1 đánh bạc bằng hình thức chuyển số lô, số đề cho T vào ngày 12/01/2019 là 5.080.000 đồng, trong đó có các số lô 48 trúng thưởng ba nháy; số lô 66 trúng hai nháy, số lô 54 trúng 01 nháy, tổng tiền trúng thưởng là 4.800.000 đồng. Tổng số tiền mà D1 và T sử dụng để đánh bạc với nhau là 9.880.000 đồng. Còn lại các số lô số đề D1 bán được ngày 12/01/2019, D1 giữ lại để đánh bạc trực tiếp với người chơi.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế đã chứng minh tổng số tiền D1 bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T1 và khách đến mua ngày 12/01/2019 là 6.655.000 đồng, trong đó tiền trúng thưởng là 5.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền D1 sử dụng để đánh bạc ngày 12/01/2019 là 12.255.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của Trần Thị Minh T như sau:

Ngoài việc nhận các số lô, số đề do D1 chuyển đến thì ngày 12/01/2019 T còn bán số lô, số đề cho một số người khác cụ thể:

- Bán cho Cáp Trọng T2, sinh năm 1958 số tiền là 20.000 đồng nhưng T không nhớ rõ các số đề mà T2 đã mua và một số người lạ mặt T không biết tên tuổi địa chỉ các số đề được tổng số tiền là 345.000 đồng; Số đề 3 càng 598 là 5.000 đồng; Các số lô xiên 2 được số tiền là 180.000 đồng; Các số lô xiên 3 được số tiền là 220.000 đồng. Tổng số tiền T đánh bạc với một số người này là 750.000 đồng, sau khi đối chiếu kết quả không ai trúng thưởng.

- Bán cho Nguyễn Phi T3, sinh năm 1984 ở C, xã Đ, huyện Y, tỉnh B các số đề được số tiền 444.000 đồng; Các số đề nhất to 77, 09 tổng số là 8.000 đồng; Các số đề ba càng 661, 643 tổng số tiền là 15.000 đồng; Các số lô xiên 2 được tổng số tiền là 415.000 đồng; Các số lô xiên 3: được tổng số tiền là 40.000 đồng; 121 điểm lô (giá tiền 22.000đ/1điểm) tổng số tiền là 2.662.000 đồng. Tổng số tiền T3 mua số

lô, đề của T là 3.584.000 đồng. T xác định Nguyễn Phi T3 sử dụng số thuê bao di động 0398805384 để nhắn tin các số lô, số đề cho T, khi nhận được tin nhắn các số lô số đề kể trên của T3 thì T nhắn lại "Ok" để xác nhận đã đồng ý. Sau khi đối chiếu kết quả thì trong đó có các số lô: 67; 52; 33; 48; 73; 02; 52; 93; 99 trúng thưởng tổng số 65 điểm là 5.200.000đồng. Như vậy tổng số tiền T đánh bạc với T3 là 8.784.000 đồng. - Bán cho Cáp Thị H3, sinh năm 1974 ở Phố H, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B 80 điểm lô với giá 22.000đ/1điểm được tiền là 1.760.000 đồng; Các số đề 66, 06, 60, 16, 61, 99 với tổng số tiền là 160.000 đồng. T xác định Cáp Thị H3 sử dụng số thuê bao di động 0356701336 để nhắn tin các số lô, số đề cho T, khi nhận được tin nhắn các số lô số đề kể trên thì T nhắn lại "Ok" để xác nhận đã đồng ý. Sau khi đối chiếu kết quả thì số lô 34; 99; 15 trúng thưởng tổng số 20 điểm với tổng số tiền 1.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền T đánh bạc với H3 là 3.520.000 đồng.

- Bán cho Nguyễn Văn H4, sinh năm 1981 ở thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh B 80 điểm lô (giá 22.000đ/1điểm) với tổng số tiền là 1.760.000 đồng; Số đề 06 là 350.000 đồng. Tổng số tiền mua bán lô, đề là 2.110.000 đồng. Các số lô, số đề trên thì T xác định Nguyễn Văn H4 mua bằng cách nhắn tin các số lô, số đề này qua điện thoại di động cho T qua thuê bao di động là 0886091781. Sau khi nhận được tin nhắn các số lô, số đề kể trên thì T nhắn lại "Ok" để xác nhận đã đồng ý. Sau khi đối chiếu kết quả thì số lô 99 trúng thưởng 40 điểm với số tiền là 3.200.000đồng. Tổng số tiền T đánh bạc với H4 là 5.310.000 đồng.

Tổng số tiền T đánh với Cáp Trọng T2, một số người lạ mặt, Nguyễn Phi T3. Cáp Thị H3 và Nguyễn Văn H4 là 18. 384.000 đồng.

Sau khi tổng hợp lại các số lô, số đề mà D1 chuyển đến và số bán được thì T ghi lại các số lô, số đề vào sổ thành cáp đề tổng rồi T giữ lại một phần để ôm, còn một phần thì ghi ra giấy để chuyển trực tiếp bằng tay cho Nguyễn Thị H2 để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Cụ thể: Ngày 12/01/2019 T đã chuyển cho H2 các số lô, số đề gồm: đề 3 càng 392; 611; 388 mỗi số đề có giá tiền là 10.000 đồng, 598; 643; 837; 239; 766; 767; 765 mỗi số đề có giá tiền là 5.000 đồng, 636 với giá tiền là 8.000 đồng, 892 với giá tiền là 16.000 đồng, 829; 406 mỗi số đề có giá tiền là 20.000 đồng, 929; 292; 712; 974; 479; 947; 292; 095; 983; 587; 695 mỗi số đề có giá tiền là 6.000 đồng, 247 với giá tiền là 55.000 đồng, 992 với giá tiền là 12.000 đồng, 965 với giá tiền là 11.000 đồng, 190; 578; 938 mỗi số đề có giá tiền là 7.000 đồng, 974 với giá tiền là 50.000 đồng. Các số đề đặc biệt gồm: 46; 06 mỗi số đề có giá tiền là 360.000 đồng, 47 có giá tiền là 35.000 đồng, 56 có giá tiền là 70.000 đồng, 77 có giá tiền là 50.000 đồng, 97 có giá tiền là 5.000 đồng, 66; 37; 02; 69; 65 mỗi số đề có giá tiền là 30.000 đồng, 67; 38; 76; 91; 28; 65; 96 mỗi số đề có giá tiền là 20.000 đồng, 00; 07; 70; 09; 99; 66; 06; 60; 16; 61; 77; 89; 67; 83; 74 mỗi số đề có giá tiền là 10.000 đồng, 95; 29; 98 mỗi số đề có giá tiền là 15.000 đồng,

92; 88 mỗi số đề có giá tiền là 40.000 đồng, số đề đặc biệt đầu 5 (từ số 50 đến số 59) mỗi số giá tiền là 10.000 đồng, số đề đặc biệt đầu 0 (từ số 00 đến số 09) mỗi số giá tiền là 10.000 đồng. Các số lô xiên 2: 37-73 có giá tiền là 80.000 đồng, 95-99 có giá tiền là 130.000 đồng, 24-42 có giá tiền là 75.000 đồng, 67-76 có giá tiền là 20.000 đồng, 20-30 có giá tiền là 170.000 đồng, lô xiên 3: 22-76-99 có giá tiền là 20.000 đồng, 96-70-65 có giá tiền là 15.000 đồng, 51-92-85 có giá tiền là 15.000 đồng, 35-54-99 có giá tiền là 90.000 đồng, 25-74-69 có giá tiền là 90.000 đồng. T chuyển cho H2 các số lô gồm: 99 - 40 điểm, 69 - 30 điểm, 77 -10 điểm, 89 - 10 điểm, 65 - 30 điểm, 97 - 5 điểm, 26 - 25 điểm, 67 - 10 điểm, 96 - 20 điểm, 83 - 10 điểm (mỗi điểm lô T chuyển cho H2 giá 21.800 đồng). Các số lô, số đề còn lại T giữ lại để "ôm". Tổng số tiền mà T chuyển số lô, số đề của H2 vào ngày 12/01/2019 là 6.711.000 đồng, trong số đó có các số lô 99, 67 trúng thưởng với số tiền 4.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền H2 và T sử dụng để đánh bạc với nhau là 10.711.000 đồng, trong đó T được hưởng phần trăm hoa hồng của H2 từ số đề là 184.000 đồng còn tiền lô thì T và H2 không thỏa thuận tiền hoa hồng.

Tổng số tiền T đánh bạc với D1 ngày 12/01/2019 là 9.880.000 đồng và những người khác là 18.384.000 đồng. Tổng số tiền T đánh bạc vào ngày 12/01/2019 là 28.264.000đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm sáu tư nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Đình D như sau:

Ngoài việc nhận các số lô, số đề của T với tổng số tiền là 6.711.000 đồng thì H2 còn bán số lô, số đề cho Nguyễn Đình D. D sử dụng điện thoại gọi cho H2 để mua các số lô, số đề gồm: số lô 95; 92 mỗi số lô là 50 điểm, số lô 51 là 30 điểm (mỗi điểm lô có giá tiền là 21.800 đồng), đề 3 càng 400; 440 mỗi số đề có giá tiền là 80.000 đồng, 200 có giá tiền là 30.000 đồng, cặp đề 95 (gồm 45,54,59,95,09,90,04,40) mỗi số đề là 50.000 đồng. Tổng số tiền D mua số lô, số đề của H2 là 3.524.000 đồng, các số lô, số đề D mua của H2 thì đều không trúng thưởng số lô, số đề nào. Sau khi D mua các số lô, số đề của H2 xong thì H2 đặt vấn đề chuyển lại cho D một số các số lô, số đề do T chuyển và D đồng ý bán cho H2 các số lô, số đề gồm: số lô 89 là 20 điểm, 43; 89; 67 mỗi số lô là 5 điểm, 20 là 30 điểm, 69; 65; 26 mỗi số lô là 15 điểm, 99 là 25 điểm, 96 là 12 điểm. Sau đó, H2 sử dụng điện thoại gọi cho D để mua thêm các số đề gồm: đề đặc biệt 02, 20, 25, 52, 18, 81, 77 mỗi số là 30.000 đồng; 02, 20, 88 mỗi số đề có giá tiền là 20.000 đồng; 52, 25 mỗi số đề có giá tiền là 10.000 đồng đề 3 càng: 952, 392 mỗi số đề có giá tiền là 30.000 đồng; 611, 992, 965, 388 mỗi số đề có giá tiền là 10.000 đồng; 892 có giá tiền là 15.000 đồng; 829 có giá tiền là 20.000 đồng; 947 có giá tiền là 5.000 đồng. Lô xiên 3 (22-76-99) có giá tiền là 10.000 đồng; 96-70-65 có giá tiền là 10.000 đồng; 51-92-85 có giá tiền là 10.000 đồng; lô xiên 2: (24-42) có giá tiền là 50.000 đồng. D đồng ý và ghi các số lô, số đề mà H2 mua ra tờ giấy trắng để theo

dõi trả thưởng; đồng thời H2 bật chế độ ghi âm cuộc gọi trên điện thoại di động để ghi lại nội dung việc đánh bạc với hình thức mua bán số lô, số đề với D. Tổng số tiền mà H2 mua số lô, số đề của D là 3.694.000 đồng, trong các số lô, số đề H2 mua của D thì có trúng thưởng số lô 99; 67 là 30 điểm tương ứng số tiền là 2.400.000 đồng. Tổng số tiền mà D và H2 sử dụng đánh bạc với nhau ngày 12/01/2019 là 9.618.000 đồng. Tổng số tiền H2 đánh bạc với T ngày 12/01/2019 là 10.711.000 đồng. Do đó tổng số tiền H2 sử dụng để đánh bạc với T và D là 20.329.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số 95/KL-KTHS ngày 18/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ viết, chữ số của Trần Thị D1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra. Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, A5, A6 (trừ chữ số "307" tại dòng cuối, cột 1; số "990" dòng số 18, cột số 2; số "450" dòng số 18, cột số 3; các số "47", "705" dòng số 11, 12, cột số 4 và số "190" dòng số 13, cột số 5 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6) với chữ viết, chữ số của Trần Thị Minh T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M5 đến M8 là do cùng một viết ra. Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A7, các chữ số "307" tại dòng cuối, cột số 1; số "990" dòng số 18, cột số 2; số "450" dòng số 18, cột số 3; các số "47", "705" dòng số 11, 12, cột số 4; số "190" dòng số 13, cột số 5 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6 với chữ viết, chữ số của Nguyễn Thị H2 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M9 đến M12 là do cùng một người viết ra. Chữ viết, chữ số trên tài liệu cần giám định ký hiệu A8 so với chữ viết, chữ số trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M12 là không phải do Trần Thị D1, Trần Thị Minh T, Nguyễn Thị H2 viết ra.

Ngày 22/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 71/QĐ để giám định giọng nói trong 02 (hai) file ghi âm thu giữ được trong máy điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Thị H2. Tại Kết luận giám định số 542/C09-P6 ngày 08/03/2019 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Tiếng nói của người phụ nữ trong mẫu cần giám định (được ký hiệu là "H2" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thị H2 trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người đàn ông trong mẫu cần giám định (được ký hiệu là "D" trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Đình D trong mẫu so sánh là của cùng một người. Nội dung ghi âm mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 507/KL-KTHS ngày 22/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ số trên các

tài liệu cần giám định ký hiệu A8 với chữ viết, chữ số của Cáp Trọng T2 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định bổ sung số 592/KL-KTHS ngày 03/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: 5.1 Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A14, A16 với chữ viết, chữ số của Trần Thị D1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra. 5.2 Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A17 đến A36, A59; chữ viết, chữ số tại các dòng từ 2 đến 27 cột 1, các dòng từ 4 đến 27 cột 6 (mặt trước) trên tài liệu A38; chữ viết, chữ số tại dòng từ 3 đến 27 cột 3, các dòng từ 1 đến 27 tại cột 5 và 6 trên tài liệu A39; chữ số "90" dòng 4 trên tài liệu A44; các chữ số "20", "40" trên tài liệu A45; chữ số "20" dòng 3 trên tài liệu A47, chữ số "30" dòng 3 trên tài liệu A49, chữ số "100" dòng 4 trên tài liệu A52; chữ số "165", "110", "100" phía dưới cùng các cột 1, 2, 3 chữ viết, chữ số bắt đầu bằng "Đ636 = 457" kết thúc bằng "1200 Bù" trên tài liệu A53; chữ số "153", "231", "291" phía dưới cùng các cột 1, 2, 3, chữ viết, chữ số bắt đầu bằng "Đ840 = 604" kết thúc bằng "444N" trên tài liệu A54; chữ số "215", "165" phía dưới cùng các cột 1, 2, chữ viết, chữ số bắt đầu bằng "Đ520 = 374" kết thúc bằng "254N" trên tài liệu A55; chữ số "154" dòng 28 cột 1, chữ số "226" dòng 19 cột 2, chữ số "230" dòng 6 cột 4, chữ viết chữ số bắt đầu bằng "Đ1142 = 822" kết thúc bằng "4870", chữ viết chữ số "4870 + 240 5110N", các chữ số "632", "130" phía cuối bên phải trên tài liệu A56; chữ số "168", "177", "157" phía dưới cùng các cột 1, 2, 3, chữ viết chữ số bắt đầu bằng "Đ692 = 498" kết thúc bằng "3132" trên tài liệu A57; chữ số "206", "158", phía dưới cùng các cột 1, 2, chữ viết chữ số bắt đầu bằng "Đ394 = 283" kết thúc bằng "560B" trên tài liệu A58 so với chữ viết, chữ số của Trần Thị Minh T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M6 đến M10 là do cùng một người viết ra. 5.3 Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A69 đến A85, A87 với chữ viết, chữ số của Nguyễn Thị H2 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M11 đến M15 là do cùng một người viết ra. 5.4 Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A15, A37 đến A58, từ A60 đến A68, A86, từ A88 đến A94 (trừ các chữ viết, chữ số tại các dòng từ 2 đến 27 cột 1, các dòng từ 4 đến 27 cột 6 (mặt trước) trên tài liệu A38; chữ viết, chữ số tại các dòng từ 3 đến 27 cột 3, các dòng từ 1 đến 27 cột 5 và 6 trên tài liệu A39; chữ số "90" dòng 4 trên tài liệu A44; các chữ số "20", "40" trên tài liệu A45; chữ số "20" dòng 3 trên tài liệu A47, chữ số "30" dòng 3 trên tài liệu A49, chữ số "100" dòng 4 trên tài liệu A52; chữ số "165", "110", "100" phía dưới cùng các cột 1, 2, 3, chữ viết chữ số bắt đầu bằng "Đ636 = 457" kết thúc bằng "120 BÙ" trên tài liệu A53; chữ số "153", "231", "291" phía dưới cùng các cột 1, 2, 3, chữ viết chữ số bắt đầu bằng "Đ840 = 604" kết thúc bằng "444N" trên tài liệu A54; chữ số "215", "165" phía dưới cùng các cột 1, 2, chữ viết chữ số bắt đầu bằng "Đ520 = 374" kết thúc bằng "254N" trên tài liệu A55; chữ số

"154" dòng 28 cột 1, chữ số "226" dòng 19 cột 2, chữ số" 230" dòng 6 cột 4, chữ viết chữ số bắt đầu bằng " Đ1142 = 822" kết thúc bằng "4870", chữ viết chữ số "4870 + 240 5110N", các chữ số "632", "130" phía cuối bên phải trên tài liệu A56; chữ số "168", "177", "157" phía dưới cùng các cột 1, 2, 3, chữ viết chữ số bắt đầu bằng "Đ692 = 498" kết thúc bằng "3132" trên tài liệu A57; chữ số "206", "158", phía dưới cùng các cột 1, 2, chữ viết, chữ số bắt đầu bằng "Đ394 = 283" kết thúc bằng "560B" trên tài liệu A58 so với chữ viết, chữ số của Trần Thị D1, Trần Thị Minh T, Nguyễn Thị H2 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M15 đã kết luận ở mục 5.2) không phải do Trần Thị D1, Trần Thị Minh T, Nguyễn Thị H2 viết ra.

Ngày 06/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thế đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín đến Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Tại Công văn số 764/CNVTQĐ-TTKT ngày 20/3/2019 của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội thể hiện:

- Thông tin chủ thuê bao và bảng kê chi tiết cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của 04 số điện thoại 0395130483, 0362801395, 0389277198, 0963293761 trong thời gian từ ngày 01/12/2019 đến ngày 12/01/2019 bao gồm 35 trang giấy khổ A4 kèm theo.

- Tại thời điểm kiểm tra ngày 14/3/2019 không thấy dữ liệu nội dung cuộc gọi, nội dung tin nhắn của 04 số điện thoại 0395130483, 0362801395, 0389277198, 0963293761 trong thời gian từ ngày 01/12/2019 đến ngày 12/01/2019.

Quá trình điều tra, Trần Thị D1 còn khai nhận ngoài việc bán số lô, số đề cho khách và chuyển số lô, số đề cho Trần Thị Minh T vào ngày 12/01/2019 thì trước đó Trần Thị D1 còn bán số lô, số đề cho một số đối tượng khác nhưng D1 không nhớ và không biết rõ tên và địa chỉ cụ thể, D1 chỉ nhớ bán số lô, số đề cho khách từ khoảng tháng 10/2018 và Trần Thị D1 khai chuyển số lô, số đề bán được cho khách chuyển cho Trần Thị Minh T được 02 lần nhưng D1 không nhớ rõ chuyển những số nào và bao nhiêu tiền. D1 khai nhận số tiền thu lợi bất chính được từ việc mua, bán số lô, số đề trước ngày 12/01/2019 đến khi bị bắt quả tang là khoảng 3.000.000 đồng

Trần Thị Minh T khai nhận trước 12/01/2019 T có nhận số lô, số đề mà D1 chuyển cho gồm 02 lần nhưng T không nhớ rõ nhận số lô, số đề nào và bao nhiêu tiền. Ngoài ra T khai trước 12/01/2019 khoảng 01 tháng thì T có bán số đề cho khách nhưng không nhớ bán cho ai, khi bán cho khách thì T ghi vào trong quyển vở ký hiệu MS: 2203 và 06 tờ lịch mà Cơ quan điều tra thu giữ cụ thể:

- Ngày 04/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 487.000 đồng và được hưởng lợi 121.700 đồng trong việc chuyển số đề cho Nguyễn Thị H2.

- Ngày 05/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 429.000 đồng và được hưởng lợi 107.000 đồng trong việc chuyển số đề cho Nguyễn Thị H2.

- Ngày 06/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 857.000 đồng và được hưởng lợi 214.000 đồng trong việc chuyển số đề cho Nguyễn Thị H2.

- Ngày 07/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 855.000 đồng và được hưởng lợi 214.000 đồng trong việc chuyển số đề cho Nguyễn Thị H2.

- Ngày 08/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 687.000 đồng, trong đó có số đề 93 trúng thưởng với số tiền 70.000 đồng và được hưởng lợi 172.000 đồng trong việc chuyển số đề cho Nguyễn Thị H2.

- Ngày 09/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 781.000 đồng và được hưởng lợi 195.000 đồng trong việc chuyển số đề cho Nguyễn Thị H2.

- Ngày 10/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 290.000 đồng.

- Ngày 11/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 210.000 đồng và được hưởng lợi 53.000 đồng trong việc chuyển số đề cho Nguyễn Thị H2.

- Ngày 12/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 123.000 đồng.

- Ngày 13/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 100.000 đồng, trong đó số đề 17 trúng thưởng với số tiền 280.000 đồng. Như vậy ngày này Trần Thị T bị thua số tiền 180.000 đồng.

- Ngày 15/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 100.000 đồng.

- Ngày 21/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 90.000 đồng, trong đó có số đề 67 trúng với số tiền 210.000 đồng nên T bị thua 120.000 đồng.

- Ngày 22/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 70.000 đồng, trong đó có số đề 91 trúng với số tiền 560.000 đồng nên T bị thua 490.000 đồng.

- Ngày 26/12/2018 T bán số đề cho khách được số tiền là 100.000 đồng.

- Ngày 01/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 64.000 đồng.

- Ngày 05/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 90.000 đồng.

- Ngày 09/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 110.000 đồng.

* Trên 06 tờ lịch có:

- Ngày 06/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 385.000 đồng, trong đó số tiền trúng thưởng là 2.310.000 đồng.

- Ngày 07/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 731.000 đồng, trong đó số đề 89 trúng thưởng được số tiền 210.000 đồng.

- Ngày 08/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 434.000 đồng, trong đó không có số nào trúng thưởng.

- Ngày 09/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 1.082.000 đồng, trong đó có số đề 79 trúng với số tiền 210.000 đồng.

- Ngày 10/01/2019 T bán số đề cho khách được số tiền là 512.000 đồng, trong đó có số đề 59 trúng với số tiền 210.000 đồng.

- 01 tờ lịch T bán số đề cho khách được số tiền là 386.000 đồng (T không nhớ rõ ngày tháng cụ thể).

Các số đề bán cho khách thì T giữ "ôm" lại một phần nếu người chơi trúng thưởng thì T trả cho người chơi, còn nếu không trúng thì T được hưởng số tiền đó. Ngoài ra từ ngày 04/12/2018 đến 11/12/2018 T còn chuyển số đề đã bán được cho khách cho H2 là 07 (bẩy) lần với tổng số tiền là 4.306.000 đồng, trúng thưởng 70.000 đồng. Số tiền T được hưởng hoa hồng từ việc chuyển số lô, đề này cho H2 là 1.076.700 đồng.

Bản cáo trạng số: 34/QĐ -KSĐT ngày 18/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế truy tố bị cáo Trần Thị Minh T, Trần Thị D1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Đình D về tội *"Đánh bạc"*, quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Nguyễn Đình D, phạm tội "Đánh bạc",

Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Đình D 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo D cho UBND thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo D thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định Khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Ngoài ra bản án còn tuyên áp dụng hình phạt đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8 /2019 bị cáo Nguyễn Đình D nộp đơn kháng cáo với nội dung bị cáo không phạm tội đánh bạc như án sơ thẩm xét xử. Đề nghị Toà phúc thẩm xử huỷ một phần bản án số 35/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế, trả lại hồ sơ để Toà sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đình D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo không đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật quy định, đưa bị cáo ra xét xử khi đó bị cáo vẫn là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị cáo mới bị đình chỉ cấp uỷ, chưa bị đình chỉ sinh hoạt Đảng. Căn cứ vào phai ghi âm mà Toà án nhân dân huyện Yên Thế kết tội đối với bị cáo là không có căn cứ. Số tiền Công an huyện Yên Thế

yêu cầu bị cáo nộp 5.000.000đồng cho rằng bị cáo đánh bạc bị cáo đã nộp nhưng Toà án nhân dân huyện Yên Thế lại cho rằng đó không phải là số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D tranh luận: Đối với tư cách Đại biểu Hội đồng nhân dân và là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam của bị cáo D, cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, việc bắt, giam giữ, khám xét khởi tố, truy tố, xét xử phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Việc điều tr, truy tố, xét xử đối với bị cáo khi chưa có quywts định đình chỉ sinh hoạt Đảng là vi phạm chỉ thị số 15 của Bộ chính trị. Về hành vi phạm tội của bị cáo việc giao dịch tiền khi tham gia đánh bạc là không có. Không có người nhận tiền và trả tiền. Bị cáo D chưa trả tiền và chưa được nhận tiền từ bị cáo H2. Toà sơ thẩm đã tuyên trả lại bị cáo 5.000.000đồng. Theo Nghị quyết số 01/2010/ NQ-HĐTP năm 2010 của Hội đồngThẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định thì hành vi của bị cáo D không thoả mãn các dấu hiệu về mặt khách quan của tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo D không phạm tội đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Đình D tranh luận: Viện kiểm sát cho rằng cơ quan điều tra khám xét nhà ở của bị cáo là đúng quy định của pháp luật là không có căn cứ vì bị cáo lúc đó đang là Đại biểu Hội đồng nhân dân. Sau khi khám xét không thu giữ được chứng cứ gì liên quan đến việc bị cáo phạm tội đánh bạc.

Đối đáp của đại diện VKS: Vì bị cáo là Đại biểu Hội đồng nhân dân nên cơ quan điều tra đã không bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam. Đối với việc khám xét nhà ở của bị cáo Viện kiểm sát đã có quan điểm rõ trong bài phát biểu đối với kháng cáo của bị cáo là việc cơ quan điều tra tiến hành khám xét là đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật quy định.

Đối đáp của Luật sư: Mặc dù cơ quan điều tra không bắt tạm giữ, tạm giâm đối với bị cáo nhưng việc khám xét nơi ở của bị cáo là vi phạm vì bị cáo là Đại biểu Hội đồng nhân dân, khi bị cáo truy tố ra trước Toà, các cơ quan chức năng không đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với bị cáo D là vi phạm.

Đối đáp của Viện kiểm sát: Các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các cơ quan chức năng khác đã xử lý đối bị cáo D là Đảng viên phạm tội theo đúng Điều lệ Đảng và đúng theo quy định của pháp luật.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo Nguyễn Đình D nói lời sau cùng: Hành vi của bị cáo không đủ yếu tố khách quan để cấu thành tội phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình D đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Đình D thì thấy: Bị cáo D và Luật sư bào chữa cho rằng không phạm tội đánh bạc, căn cứ lời khai của bị cáo D thừa nhận ngày 12/01/2019 có thực hiện việc gọi điện cho H2 ghi số lô số đề: số lô 95; 92 mỗi số lô là 50 điểm, số lô 51 là 30 điểm (mỗi điểm lô có giá tiền là 21.800 đồng), đề 3 càng 400; 440 mỗi số đề có giá tiền là 80.000 đồng, 200 có giá tiền là 30.000 đồng, cặp đề 95 (gồm 45,54,59,95,09,90,04,40) mỗi số đề là 50.000 đồng. Tổng số tiền là 3.524.000 đồng, các số lô; D nhận của H2 một số các số lô, số đề gồm: số lô 89 là 20 điểm, 43; 89; 67 mỗi số lô là 5 điểm, 20 là 30 điểm, 69; 65; 26 mỗi số lô là 15 điểm, 99 là 25 điểm, 96 là 12 điểm; đề đặc biệt 02, 20, 25, 52, 18, 81, 77 mỗi số là 30.000 đồng; 02, 20, 88 mỗi số đề có giá tiền là 20.000 đồng; 52, 25 mỗi số đề có giá tiền là 10.000 đồng đề 3 càng: 952, 392 mỗi số đề có giá tiền là 30.000 đồng; 611, 992, 965, 388 mỗi số đề có giá tiền là 10.000 đồng; 892 có giá tiền là 15.000 đồng; 829 có giá tiền là 20.000 đồng; 947 có giá tiền là 5.000 đồng. Lô xiên 3 (22-76-99) có giá tiền là 10.000 đồng; 96-70-65 có giá tiền là 10.000 đồng; 51-92-85 có giá tiền là 10.000 đồng; lô xiên 2: (24-42) có giá tiền là 50.000 đồng. Tổng số tiền mà H2 mua số lô, số đề của D là 3.694.000 đồng, hành vi đánh bạc của các bị cáo được phát hiện sau khi đã mở thưởng số số kiến thiết, trong các số lô, số đề H2 mua của D thì có trúng thưởng số lô 99; 67 là 30 điểm tương ứng số tiền là 2.400.000đồng nên tổng số tiền mà D và H2 sử dụng đánh bạc với nhau ngày 12/01/2019 là 9.618.000đồng. Các bị cáo đánh bạc với mục đích được thua bằng tiền và không được nhà nước cho phép nên hành vi của bị cáo D đã cấu thành tội "Đánh bạc".

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Căn cứ vào kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền bắc ngày 12/01/2019, Trần Thị D1 đã đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô số đề với tổng số tiền là 12.255.000 đồng; Trần Thị Minh T đánh bạc với số tiền là 28.264.000đồng; Nguyễn Thị H2 đánh bạc với tổng số tiền là 20.329.000 đồng; Nguyễn Đình D đánh bạc với số tiền là 9.618.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Đình D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đình D về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3 Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra , truy tố, xét xử bị cáo D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có mẹ đẻ (bà Cam Thị Hợp) là người có công với cách mạng (được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất), bị cáo có thời gian tham gia quân đội, do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải nghiêm trị bằng hình luật, cần lên một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là tương xứng với hành vi phạm tội đối với bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo D và Luật sư bào chữacho bị cáo rằng khi bị cáo D bị xét xử không có Quyets định đình chỉ sinh hoạt Đảng, Hội đồng xét xử thấy: Tại Quyết định số: 73-QĐ/UBKT ngày 19/6/2019 của Uỷ ban kiểm tra huyện uỷ Yên Thế đã Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Đảng viên Nguyễn Điình D, phó bí thư chi bộ phố Hoà Bình, đảng bộ thị trấn Bố Hdt.Thời hạn đình chỉ từ ngày ký Quyết định đến khi có két quả xét xử có hiệu lực của Toà án (BL 1098). Do vậy, không có căn cứ chấp nhận lời bào chữa của Luật sư cũng như của bị cáo được.

Đối với việc Luật sư và bị cáo cho rằng việc khám xét nơi ở của bị cáo D là vihạm pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 13/01/2019 cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Giang ra lệnh khám xét khẩn cấp số 25/CQĐT khám xét khẩn cấp chỗ ở, địa điểm, phương tiện, đồ vật đối với bị cáo D tại phố Hoà Bình, thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế. Cùng ngày cơ quan điều tra đã thi hành lệnh khám xét, Hội đồng xét xử thấy việc khám xét nơi ở của bị cáo Nguyễn Đình D của cơ quan điều tra công an tỉnh Bắc Giang là đúng quy định tại các Điều 192,193, 195 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung vụ án Luật sư và bị cáo cho rằng các bị cáo chưa sử dụng tiền để đánh bạc với nhau, Hội đồng xét xử thấy; Bị cáo D thừa nhận có dùng điện thoại di động điện thoại cho bị cáo H2 ghi các số lô, số đề như án sơ thẩm nhận định. Việc các bị cáo chưa giao tiền cho nhau là phương thức mà các bị cáo giao kết với nhau, còn hành vi đánh bạc của bị cáo D đã hoàn thành.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được các tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên toà đề nghị huỷ một phần bản án số 35/2019/HS-ST ngày 16/8/2019 của Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử liên quan đến bị cáo để trả lại hồ sơ cho Toà sơ thẩm xét xử lại vụ án được, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình D không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Nguyễn Đình D, phạm tội "Đánh bạc",

Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Đình D 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo D cho UBND thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định Khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ ***(Ký tên, ghi rõ họ tên)***	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA** ***(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***
Ngô Quang D	**Nguyễn Thị Kim Dung**
	Nguyễn Gia Lương

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương